



TÀI LIỆU HỎI-ĐÁP
LUẬT GIÁO DỤC NĂM 2019
(Phát hành tháng 6/2020)

Câu 1. Luật Giáo dục năm 2019 quy định mục tiêu của giáo dục như thế nào?

Trả lời:

Điều 2 Luật Giáo dục năm 2019 quy định mục tiêu giáo dục là: “Nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế”.

Câu 2. Hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm các cấp học và trình độ đào tạo nào?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 6 Luật Giáo dục năm 2019 quy định cấp học, trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm:

- (1) Giáo dục mầm non gồm giáo dục nhà trẻ và giáo dục mẫu giáo;
- (2) Giáo dục phổ thông gồm giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông;
- (3) Giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác;
- (4) Giáo dục đại học đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ.

Câu 3. Luật Giáo dục năm 2019 quy định quyền và nghĩa vụ học tập của công dân như thế nào?

Trả lời:

Điều 13 Luật Giáo dục năm 2019 quy định quyền và nghĩa vụ học tập của công dân bao gồm:

- (1) Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, đặc điểm cá nhân, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập.
- (2) Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo môi trường giáo dục an toàn, bảo đảm giáo dục hòa nhập, tạo điều kiện để người học phát huy tiềm năng, năng khiếu của mình.
- (3) Nhà nước ưu tiên, tạo điều kiện cho người học là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của Luật Trẻ em, người học là người khuyết tật theo quy

định của Luật Người khuyết tật, người học thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo thực hiện quyền và nghĩa vụ học tập.

Câu 4. Có được phép truyền bá tôn giáo trong cơ sở giáo dục hay không?

Trả lời:

Điều 20 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: “Không truyền bá tôn giáo, tiến hành các lễ nghi tôn giáo trong cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và lực lượng vũ trang nhân dân”.

Câu 5. Các hành vi cấm lợi dụng hoạt động giáo dục được Luật Giáo dục năm 2019 quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 21 Luật Giáo dục năm 2019 quy định việc cấm lợi dụng hoạt động giáo dục như sau:

(1) Cấm lợi dụng hoạt động giáo dục để xuyên tạc chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, phá hoại thuần phong mỹ tục, truyền bá mê tín, hủ tục, lôi kéo người học vào các tệ nạn xã hội.

(2) Cấm lợi dụng hoạt động giáo dục vì mục đích vụ lợi.

Câu 6. Luật Giáo dục năm 2019 quy định các hành vi nào bị nghiêm cấm trong cơ sở giáo dục?

Trả lời:

Điều 22 Luật Giáo dục năm 2019 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong cơ sở giáo dục bao gồm:

(1) Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ, người lao động của cơ sở giáo dục và người học.

(2) Xuyên tạc nội dung giáo dục.

(3) Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi, tuyển sinh.

(4) Hút thuốc; uống rượu, bia; gây rối an ninh, trật tự.

(5) Ép buộc học sinh học thêm để thu tiền.

(6) Lợi dụng việc tài trợ, ủng hộ giáo dục để ép buộc đóng góp tiền hoặc hiện vật.

Câu 7. Nhà giáo có vị trí và vai trò như thế nào?

Trả lời:

Điều 66 Luật Giáo dục năm 2019 quy định vị trí, vai trò của nhà giáo như sau:

(1) Nhà giáo làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong cơ sở giáo dục, trừ Viện Hàn lâm, viện do Thủ tướng Chính phủ thành lập theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ được phép đào tạo trình độ tiến sĩ.

Nhà giáo giảng dạy ở cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục khác, giảng dạy trình độ sơ cấp, trung cấp gọi là giáo viên; nhà giáo giảng dạy từ trình độ cao đẳng trở lên gọi là giảng viên.

(2) Nhà giáo có vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục, có vị thế quan trọng trong xã hội, được xã hội tôn vinh.

Câu 8. Nhà giáo phải đáp ứng các tiêu chuẩn như thế nào?

Trả lời:

Điều 67 Luật Giáo dục năm 2019 quy định nhà giáo phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

- (1) Có phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt;
- (2) Đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm;
- (3) Có kỹ năng cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;
- (4) Bảo đảm sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp.

Câu 9. Luật Giáo dục năm 2019 quy định nhà giáo có những nhiệm vụ gì?

Trả lời:

Điều 69 Luật Giáo dục năm 2019 quy định nhiệm vụ của nhà giáo bao gồm:

- (1) Giảng dạy, giáo dục theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục.
- (2) Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, điều lệ nhà trường, quy tắc ứng xử của nhà giáo.
- (3) Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng, đối xử công bằng với người học; bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.
- (4) Học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học.

Câu 10. Luật Giáo dục năm 2019 quy định nhà giáo có những quyền gì?

Trả lời:

Điều 70 Luật Giáo dục năm 2019 quy định quyền của nhà giáo bao gồm:

- (1) Được giảng dạy theo chuyên môn đào tạo.
- (2) Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.

(3) Được hợp đồng thỉnh giảng, nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục khác hoặc cơ sở nghiên cứu khoa học.

(4) Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể.

(5) Được nghỉ hè theo quy định của Chính phủ và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật.

Câu 11. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo được Luật Giáo dục năm 2019 quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019 quy định trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo như sau:

(1) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên đối với giáo viên mầm non;

(2) Có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm;

(3) Có bằng thạc sĩ đối với nhà giáo giảng dạy trình độ đại học; có bằng tiến sĩ đối với nhà giáo giảng dạy, hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ;

(4) Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo giảng dạy trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

Câu 12. Tiền lương của nhà giáo được Luật Giáo dục năm 2019 quy định như thế nào? So với Luật Giáo dục năm 2005 đã được sửa đổi, bổ sung thì chính sách tiền lương của nhà giáo có điểm gì mới?

Trả lời:

Điều 76 Luật Giáo dục năm 2019 quy định tiền lương của nhà giáo như sau: Nhà giáo được xếp lương phù hợp với vị trí việc làm và lao động nghề nghiệp; được ưu tiên hưởng phụ cấp đặc thù nghề theo quy định của Chính phủ.

So với Luật Giáo dục năm 2005 đã được sửa đổi, bổ sung thì chính sách tiền lương của nhà giáo có điểm mới là: Thay vì việc hưởng tiền lương theo nghề thì lương giáo viên sẽ được trả theo vị trí việc làm, tính chất phức tạp của nghề nghiệp; Luật Giáo dục năm 2019 cũng đã bỏ phụ cấp thâm niên, thay vào đó, giáo viên sẽ được ưu tiên hưởng phụ cấp đặc thù nghề.

Câu 13. Chính sách đối với nhà giáo được Luật Giáo dục năm 2019 quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 77 Luật Giáo dục năm 2019 quy định chính sách đối với nhà giáo bao gồm:

(1) Nhà nước có chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo thực hiện vai trò và nhiệm vụ của mình.

(2) Nhà giáo công tác tại trường chuyên, trường năng khiếu, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học, trường, lớp dành cho người khuyết tật, trường giáo dưỡng hoặc trường chuyên biệt khác, nhà giáo thực hiện giáo dục hòa nhập được hưởng chế độ phụ cấp và chính sách ưu đãi.

(3) Nhà nước có chính sách khuyến khích, ưu đãi về chế độ phụ cấp và các chính sách khác đối với nhà giáo công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Câu 14. Trẻ em tại cơ sở giáo dục mầm non có các quyền gì?

Trả lời:

Điều 81 Luật Giáo dục năm 2019 quy định trẻ em tại cơ sở giáo dục mầm non có các quyền sau đây:

(1) Được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; được chăm sóc sức khỏe và bảo vệ theo quy định của Luật Trẻ em và quy định khác của pháp luật có liên quan;

(2) Được miễn, giảm giá vé đối với các dịch vụ vui chơi, giải trí công cộng.

Câu 15. Nhiệm vụ của người học được Luật Giáo dục năm 2019 quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 82 Luật Giáo dục năm 2019 quy định nhiệm vụ của người học bao gồm:

(1) Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, quy tắc ứng xử của cơ sở giáo dục.

(2) Tôn trọng nhà giáo, cán bộ và người lao động của cơ sở giáo dục; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện nội quy, điều lệ, quy chế của cơ sở giáo dục; chấp hành quy định của pháp luật.

(3) Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường phù hợp với lứa tuổi, sức khỏe và năng lực.

(4) Giữ gìn, bảo vệ tài sản của cơ sở giáo dục.

(5) Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của cơ sở giáo dục.

Câu 16. Quyền của người học được Luật Giáo dục năm 2019 quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 83 Luật Giáo dục năm 2019 quy định quyền của người học bao gồm:

- (1) Được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân.
- (2) Được tôn trọng; bình đẳng về cơ hội giáo dục và học tập; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh; được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện của mình.
- (3) Được học vượt lớp, học rút ngắn thời gian thực hiện chương trình, học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định, học kéo dài thời gian, học lưu ban, được tạo điều kiện để học các chương trình giáo dục theo quy định của pháp luật.
- (4) Được học tập trong môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.
- (5) Được cấp văn bằng, chứng chỉ, xác nhận sau khi tốt nghiệp cấp học, trình độ đào tạo và hoàn thành chương trình giáo dục theo quy định.
- (6) Được tham gia hoạt động của đoàn thể, tổ chức xã hội trong cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.
- (7) Được sử dụng cơ sở vật chất, thư viện, trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể dục, thể thao của cơ sở giáo dục.
- (8) Được trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị với cơ sở giáo dục các giải pháp góp phần xây dựng cơ sở giáo dục, bảo vệ quyền, lợi ích của người học.
- (9) Được hưởng chính sách ưu tiên của Nhà nước trong tuyển dụng vào các cơ quan nhà nước nếu tốt nghiệp loại giỏi và có đạo đức tốt.
- (10) Được cử người đại diện tham gia hội đồng trường theo quy định.

Câu 17. Chính sách tín dụng giáo dục được Luật Giáo dục năm 2019 quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 84 Luật Giáo dục năm 2019 quy định chính sách tín dụng giáo dục như sau: Nhà nước có chính sách tín dụng ưu đãi về lãi suất, điều kiện và thời hạn vay tiền để người học có điều kiện học tập. Khuyến khích xã hội hóa hoạt động tín dụng giáo dục.

Câu 18. Nhà nước có chính sách cấp học bổng khuyến khích học tập cho đối tượng nào?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 85 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: Nhà nước có chính sách cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh đạt kết quả học tập xuất sắc ở trường chuyên, trường năng khiếu và người học có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học; cấp học bổng chính sách cho sinh viên hệ cử tuyển, học sinh trường dự bị đại

học, trường phổ thông dân tộc nội trú, người học trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp dành cho thương binh, người khuyết tật.

Câu 19. Nhà nước có chính sách trợ cấp và miễn, giảm học phí cho người học thuộc đối tượng nào?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 85 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: Nhà nước có chính sách trợ cấp và miễn, giảm học phí cho người học là đối tượng được hưởng chính sách xã hội, người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.

Câu 20. Học sinh, sinh viên có được miễn, giảm giá vé dịch vụ công cộng hay không?

Trả lời:

Học sinh, sinh viên sẽ được miễn, giảm giá vé dịch vụ công cộng; cụ thể, Điều 86 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: Học sinh, sinh viên được hưởng chế độ miễn, giảm giá vé khi sử dụng các dịch vụ công cộng về giao thông, giải trí, tham quan viện bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hóa theo quy định của Chính phủ.

Câu 21. Theo Luật Giáo dục năm 2019 đối tượng nào được áp dụng chế độ cử tuyển?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 87 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: Nhà nước thực hiện tuyển sinh vào trung cấp, cao đẳng, đại học theo chế độ cử tuyển đối với học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người; học sinh là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có rất ít cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số; có chính sách tạo nguồn cử tuyển, tạo điều kiện thuận lợi để các đối tượng này vào học trường phổ thông dân tộc nội trú và tăng thời gian học dự bị đại học.

Câu 22. Gia đình có trách nhiệm gì trong giáo dục?

Trả lời:

Điều 90 Luật Giáo dục năm 2019 quy định trách nhiệm của gia đình trong giáo dục như sau:

(1) Cha mẹ hoặc người giám hộ có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc, tạo điều kiện cho con hoặc người được giám hộ được học tập, thực hiện phổ cập giáo dục, hoàn thành giáo dục bắt buộc, rèn luyện, tham gia các hoạt động của nhà trường; tôn trọng nhà giáo, không được xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo.

(2) Các thành viên trong gia đình có trách nhiệm xây dựng gia đình văn hóa, tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ

của con em; người lớn tuổi có trách nhiệm giáo dục, làm gương cho con em, cùng nhà trường nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Câu 23. Cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh có trách nhiệm gì trong giáo dục?

Trả lời:

Điều 91 Luật Giáo dục năm 2019 quy định trách nhiệm của cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh như sau:

(1) Tiếp nhận thông tin về kết quả học tập, rèn luyện của con hoặc người được giám hộ.

(2) Tham gia hoạt động giáo dục theo kế hoạch của nhà trường; tham gia hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh trong nhà trường.

(3) Phối hợp với nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc giáo dục con hoặc người được giám hộ theo quy định.

Câu 24. Luật Giáo dục năm 2019 quy định trách nhiệm của xã hội trong giáo dục như thế nào?

Trả lời:

Điều 93 Luật Giáo dục năm 2019 quy định trách nhiệm của xã hội trong giáo dục như sau:

(1) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

- Hỗ trợ, hợp tác với nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục và nghiên cứu khoa học; tạo điều kiện cho nhà giáo và người học tham quan, hoạt động trải nghiệm, thực tập, nghiên cứu khoa học;

- Tham gia xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, ngăn chặn hoạt động có ảnh hưởng xấu đến người học;

- Tạo điều kiện để công dân trong độ tuổi quy định thực hiện nghĩa vụ học tập để thực hiện phổ cập giáo dục, hoàn thành giáo dục bắt buộc để người học được vui chơi, hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao lành mạnh;

- Hỗ trợ các nguồn lực cho phát triển sự nghiệp giáo dục theo khả năng của mình.

(2) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm động viên toàn dân chăm lo cho sự nghiệp giáo dục.

(3) Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có trách nhiệm phối hợp với nhà trường giáo dục, vận động thanh niên, thiếu niên và nhi đồng gương mẫu trong học tập, rèn luyện và tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục.

Câu 25. Theo Luật Giáo dục năm 2019 học sinh, sinh viên sư phạm được hưởng các chính sách gì? Những chính sách này có khác biệt gì lớn so với Luật Giáo dục năm 2005 đã được sửa đổi, bổ sung?

Trả lời:

Khoản 4 Điều 85 Luật Giáo dục năm 2019 quy định các chính sách đối với học sinh, sinh viên sư phạm như sau:

(1) Được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt trong toàn khóa học. Người được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt sau 02 năm kể từ khi tốt nghiệp nếu không công tác trong ngành giáo dục hoặc công tác không đủ thời gian quy định thì phải bồi hoàn khoản kinh phí mà Nhà nước đã hỗ trợ. Thời hạn hoàn trả tối đa bằng thời gian đào tạo.

(2) Được hưởng các chính sách học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội, miễn, giảm học phí.

So với Luật Giáo dục năm 2005 đã được sửa đổi, bổ sung thì điểm khác biệt lớn đối với chính sách dành cho học sinh, sinh viên sư phạm là thay đổi từ chính sách “không phải đóng học phí” bằng chính sách “hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt trong toàn khóa học” và thay đổi từ việc không quy định phải bồi hoàn khoản kinh phí sang quy định phải bồi hoàn kinh phí nếu sau 02 năm kể từ khi tốt nghiệp không công tác trong ngành giáo dục hoặc công tác không đủ thời gian quy định.

Câu 26. Sinh viên sư phạm được tuyển sinh trước ngày 01 tháng 7 năm 2020 thì được hưởng chính sách như thế nào?

Trả lời:

Điều 115 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: Sinh viên sư phạm được tuyển sinh trước ngày 01 tháng 7 năm 2020 thì tiếp tục được áp dụng chính sách không phải đóng học phí, được ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội.

Câu 27. Theo Luật Giáo dục năm 2019 giá trị pháp lý của bằng tốt nghiệp đại học hình thức đào tạo chính quy với bằng tốt nghiệp đại học hình thức đào tạo vừa làm vừa học có khác nhau không?

Trả lời:

Khoản 4 Điều 12 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: Văn bằng, chứng chỉ do cơ sở giáo dục thuộc các loại hình và hình thức đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân cấp có giá trị pháp lý như nhau.

Như vậy, bằng tốt nghiệp đại học hình thức đào tạo chính quy với bằng tốt nghiệp đại học hình thức đào tạo vừa làm vừa học có giá trị pháp lý như nhau.

Câu 28. Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông, dự kỳ thi trung học phổ thông nhưng kết quả không đạt yêu cầu thì có được chứng nhận đã hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông không? Việc chứng nhận này khác gì so với những học sinh thi đạt yêu cầu?

Trả lời:

Khoản 3 Điều 34 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: Học sinh học hết chương trình trung học phổ thông, dự kỳ thi trung học phổ thông nhưng không

đạt yêu cầu thì được hiệu trưởng nhà trường cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông.

Điểm khác biệt so với những học sinh thi đạt yêu cầu là: Những học sinh thi đạt yêu cầu thì được người đứng đầu cơ quan chuyên môn về giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.

Câu 29. Theo Luật Giáo dục năm 2019 học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục công lập có phải đóng học phí không? Trẻ em mầm non được miễn học phí trong những trường hợp nào?

Trả lời:

Khoản 3, Khoản 4 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019 quy định:

(1) Học sinh tiểu học trong cơ sở giáo dục công lập không phải đóng học phí.

(2) Trẻ em mầm non 05 tuổi ở thôn, xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo được miễn học phí.

Câu 30. Theo Luật Giáo dục năm 2019 văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được công nhận để sử dụng tại Việt Nam trong những trường hợp nào?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 109 Luật Giáo dục năm 2019 quy định: Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được công nhận để sử dụng tại Việt Nam trong trường hợp sau đây:

(1) Văn bằng do cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài cấp cho người học sau khi hoàn thành chương trình giáo dục bảo đảm chất lượng theo quy định của nước cấp bằng và được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước đó công nhận;

(2) Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại nước khác nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính cấp cho người học, được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của 02 nước cho phép mở phân hiệu hoặc thực hiện hợp tác, liên kết đào tạo và bảo đảm chất lượng theo quy định của nước cấp bằng và được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước đó công nhận;

(3) Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam cấp, thực hiện hoạt động giáo dục theo quy định về hợp tác, đầu tư về giáo dục do Chính phủ ban hành, theo phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền và bảo đảm chất lượng theo quy định của nước cấp bằng và được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước đó công nhận./.

PHÒNG TƯ PHÁP